TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ- ST
Ngày 03/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Đoàn Hồng Sơn**
2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Tào Ngọc T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**:** Anh **Nguyễn Lưu D**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Tào Ngọc T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Lưu D chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang vào ngày 14 tháng 02 năm 2007. Trước khi chung sống vợ chồng tôi có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 06 năm mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, sau đó đến năm 2008 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D từ năm 2008 đến nay thì anh D đi làm kiếm tiền chỉ biết tiêu xài riêng cho bản thân, không chu cấp tiền bạc nuôi sống gia đình vợ con, không quan tâm chăm lo, cuộc sống của vợ con, chỉ có một mình tôi phải gồng gánh nuôi 02 con một mình, chồng tôi ra ngoài ăn nhậu về nhà chửi bới, đánh đập tôi nhiều lần. Tôi có khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn chứng nào tật ấy, vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Cháu Nguyễn Ngọc E, sinh ngày 12/04/2007.

2/ Cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2013.

Các cháu hiện nay đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Lưu D.

Về quan hệ con chung: tôi yêu cầu xin nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc E, sinh ngày 12/04/2007 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2013. Tôi không yêu cầu anh Nguyễn Lưu D cấp dưỡng nuôi hai con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Lưu D trình bày**: Qua lời trình bày của vợ tôi về ngày, tháng, năm kết hôn, có tổ chức đám cưới, có 02 con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì tôi và cô T có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, tôi vẫn còn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Tại Tòa án anh D yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Tào Ngọc T.

Về quan hệ con chung: tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc E, sinh ngày 12/04/2007 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2013 cho cô Tào Ngọc T nuôi dưỡng. Tôi tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc E 2.500.000đ/1 tháng và cháu Nguyễn Đức T 2.500.000đ/1 tháng cho đến khai cháu Nguyễn Ngọc E và cháu Nguyễn Đức T đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị T về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Lưu D là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D đi làm kiếm tiền chỉ biết tiêu xài riêng cho bản thân, không chu cấp tiền bạc nuôi sống gia đình vợ con, không quan tâm chăm lo cuộc sống của vợ con, một mình chị T phải gồng gánh nuôi 02 con nhỏ, anh D ra ngoài ăn nhậu về nhà chửi bới, đánh đập chị T nhiều lần. Chị T có khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn chứng nào tật ấy, vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh D được Tòa án chấp thuận.

[3] **Về quan hệ con chung:** ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Tào Ngọc T và anh Nguyễn Lưu D. Giao cháu Nguyễn Ngọc E, sinh ngày 12/04/2007 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2013 cho chị Tào Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc E, cháu Nguyễn Đức T là sau khi chị Tào Ngọc T và anh Nguyễn Lưu D ly hôn thì cháu Nguyễn Ngọc E và cháu Nguyễn Đức T sẽ sống với chị Tào Ngọc T. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] **Về cấp dưỡng:** anh Nguyễn Lưu D tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc E 2.500.000đ/1 tháng và cháu Nguyễn Đức T 2.500.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc E đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn Đức T đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian bắt đầu anh D cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc E và cháu Nguyễn Đức T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Lưu D về quan hệ hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Tào Ngọc T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là anh D đi làm kiếm tiền chỉ biết tiêu xài riêng cho bản thân, không chu cấp tiền bạc nuôi sống gia đình vợ con, không quan tâm chăm lo cuộc sống của vợ con, một mình chị T phải gồng gánh nuôi 02 con nhỏ, anh D ra ngoài ăn nhậu về nhà chửi bới, đánh đập chị T nhiều lần. Chị T có khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn chứng nào tật ấy, vẫn không thay đổi. Từ đó chị T và anh D bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị T và anh D tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Nguyễn Lưu D.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị T và anh D không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007026 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

[8] **Về án phí cấp dưỡng:** áp dụng điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Lưu D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tào Ngọc T và anh Nguyễn Lưu D được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Tào Ngọc T và anh Nguyễn Lưu D. Giao cháu Nguyễn Ngọc E, sinh ngày 12/04/2007 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2013 cho chị Tào Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc E, cháu Nguyễn Đức T là sau khi chị Tào Ngọc T và anh Nguyễn Lưu D ly hôn thì cháu Nguyễn Ngọc E và cháu Nguyễn Đức T sẽ sống với chị Tào Ngọc T. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Lưu D tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc E 2.500.000đ/1 tháng và cháu Nguyễn Đức T 2.500.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc E đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn Đức T đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu anh D cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc E và cháu Nguyễn Đức T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Tào Ngọc T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007026 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

4. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Lưu D nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Tào Ngọc T và anh Nguyễn Lưu D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật